

**CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI - DỊCH VỤ GIẤY THÀNH THỊNH**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI - DỊCH VỤ GIẤY THÀNH THỊNH

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài:

Tên công ty viết tắt:

**2. Mã số doanh nghiệp:** 3702587218

**3. Ngày thành lập:** 01/08/2017

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Thửa đất số 1125, tờ bản đồ số E4.3, khu phố Tân Thắng, Phường Tân Bình, Thị Xã Dĩ An, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

Điện thoại:

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                       | Mã ngành |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|
| 1.  | Trồng rừng và chăm sóc rừng                                                                                                                                                     | 0210     |
| 2.  | Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rom, rạ và vật liệu tết bện<br>Chi tiết: Sản xuất viên nén gỗ, củi nén (không sản xuất, gia công tại trụ sở chính) | 1629     |
| 3.  | Thu gom rác thải không độc hại<br>(Không chứa, phân loại, xử lý, tái chế phế liệu tại địa điểm trụ sở chính)                                                                    | 3811     |
| 4.  | Tái chế phế liệu<br>(Không chứa, phân loại, xử lý, tái chế, tiêu hủy tại địa điểm trụ sở chính)                                                                                 | 3830     |
| 5.  | Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm                                                                                                                             | 4651     |
| 6.  | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp                                                                                                                          | 4653     |
| 7.  | Xử lý và tiêu hủy rác thải độc hại<br>(Không chứa, phân loại, xử lý, tái chế, tiêu hủy tại địa điểm trụ sở chính)                                                               | 3822     |
| 8.  | Bán buôn vải, hàng may sẵn, giày dép                                                                                                                                            | 4641     |
| 9.  | Phá dỡ                                                                                                                                                                          | 4311     |
| 10. | Đại lý, môi giới, đấu giá<br>Chi tiết: Đại lý ký mua bán, ký gửi hàng hóa                                                                                                       | 4610     |
| 11. | Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông                                                                                                                              | 4652     |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        |      |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 12. | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác<br>Chi tiết:<br>- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng cung cấp cho lò hơi<br>- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy cơ khí chuyên cho ngành gỗ<br>- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng<br>- Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện)<br>- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi) | 4659 |
| 13. | Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Tư vấn, chuyển giao công nghệ về môi trường                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 7490 |
| 14. | Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh<br>Chi tiết:<br>- Bán lẻ xi măng, gạch xây, ngói, đá, cát, sỏi và vật liệu xây dựng khác (trừ hoạt động bến thủy nội địa)<br>- Bán lẻ sơn, màu, véc ni<br>- Bán lẻ gạch ốp lát, thiết bị vệ sinh<br>- Bán lẻ thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng                                                                                                                                                 | 4752 |
| 15. | Xử lý ô nhiễm và hoạt động quản lý chất thải khác (Không chứa, phân loại, xử lý, tái chế, tiêu hủy tại địa điểm trụ sở chính)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 3900 |
| 16. | Vận tải hàng hóa bằng đường bộ<br>Chi tiết: Vận tải rác thải và hàng hóa khác ( chỉ được hoạt động sau khi có giấy phép của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền cho phép)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 4933 |
| 17. | Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động<br>Chi tiết: Nhà hàng, quán ăn, hàng ăn uống                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 5610 |
| 18. | Thoát nước và xử lý nước thải (Không chứa, phân loại, xử lý tại địa điểm trụ sở chính)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 3700 |
| 19. | Dịch vụ lưu trú ngắn ngày<br>Chi tiết: Khách sạn                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 5510 |
| 20. | Xử lý và tiêu hủy rác thải không độc hại (Không chứa, phân loại, xử lý, tái chế, tiêu hủy tại địa điểm trụ sở chính)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 3821 |
| 21. | Lắp đặt hệ thống điện                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 4321 |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      |             |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 22. | Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng<br>Chi tiết:<br>- Bán buôn gỗ các loại<br>- Bán buôn gạch xây, ngói, đá, cát, sỏi (trừ hoạt động bên thủy nội địa)<br>- Bán buôn kính xây dựng<br>- Bán buôn sơn, vécni<br>- Bán buôn đồ ngũ kim<br>- Bán buôn gạch ốp lát và thiết bị vệ sinh                                                                                                                               | 4663        |
| 23. | Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Bán buôn giấy phế liệu, giấy vụn (Không chứa, phân loại, xử lý, tái chế, tiêu hủy tại địa điểm trụ sở chính)<br>- Bán buôn pallet, củi, dăm bào, mùn cưa, cao su (không chứa củi, dăm bào, mùn cưa, cao su tại trụ sở chính)<br>- Bán buôn hóa chất xử lý môi trường (trừ hóa chất bảng 1 theo công ước quốc tế)<br>- Bán buôn phế liệu, phụ liệu may mặc và giày dép | 4669(Chính) |
| 24. | Xây dựng nhà các loại<br>Chi tiết: Xây dựng công trình nhà dân dụng và công nghiệp                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 4100        |
| 25. | Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 4741        |
| 26. | Thu gom rác thải độc hại<br>(Không chứa, phân loại, xử lý, tái chế phế liệu tại địa điểm trụ sở chính)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 3812        |
| 27. | Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp<br>Chi tiết: Bán lẻ trong siêu thị, trung tâm thương mại                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 4719        |
| 28. | Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh<br>Chi tiết:<br>- Bán lẻ đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện<br>- Bán lẻ giường, tủ, bàn, ghế và đồ dùng nội thất tương tự<br>- Bán lẻ đồ dùng gia đình bằng gốm, sứ, thủy tinh<br>- Bán lẻ nhạc cụ                                                         | 4759        |
| 29. | Khai thác gỗ<br>Chi tiết: Khai thác gỗ rừng trồng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 0221        |
| 30. | Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan<br>Chi tiết:<br>- Giám sát công tác xây dựng và hoàn thiện công trình dân dụng và công nghiệp<br>- Giám sát công tác xây dựng và hoàn thiện công trình giao thông<br>- Thiết kế, thẩm tra thiết kế xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp                                                                                                                                     | 7110        |
| 31. | Bán buôn kim loại và quặng kim loại<br>Chi tiết: Bán buôn sắt, thép                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 4662        |

